

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2225 /UBND-TCKH  
V/v tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết  
số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái

TP. Yên Bái, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan, phòng, ban, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Văn bản số 2621/UBND-TC ngày 25/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; Văn bản số 1550/STC-QLNS ngày 27/7/2024 của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

Để tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân thành phố yêu cầu các cơ quan, phòng, ban, đơn vị, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường triển khai một số nội dung sau:


1. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp các phòng, ban, đơn vị liên quan tổ chức triển khai hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định.

2. Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn về thực hiện Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND.

(Gửi kèm Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (qua phòng Tài chính - Kế hoạch) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- KBNN Yên Bái;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, Các PCT UBND TP;
- Lưu: VT, TCKH 

CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Ngọc Trúc



Số: **39**/2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **11** tháng **7** năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh**



Ký bởi: Văn  
phòng Đoàn  
ĐBQH và HĐND  
Email:  
vpddbq\_hdnd@  
yenbai.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh  
Yên Bái  
Ngày ký: 23-07-  
2024 14:43:42  
+07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI  
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*



*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 116/BC-BKTNS ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

"b) Đối tượng được miễn:

Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau: Khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến; Đăng ký hộ tịch cho: trẻ em; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công cách mạng; bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của thương binh; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. Bổ sung, thay đổi thông tin khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính."



2. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 3 như sau:

"b) Đối tượng được miễn: Khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến."

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

"b) Đối tượng được miễn:

Miễn lệ phí trong những trường hợp sau: Khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến; Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận; Miễn lệ phí "*Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai*" đối với trường hợp bổ sung, thay đổi thông tin khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính và tên gọi đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân tặng, cho quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng."

4. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 3 như sau:

"b) Đối tượng được miễn: Miễn lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến."

5. Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 3 như sau:

"b) Đối tượng được miễn:

Miễn lệ phí trong những trường hợp sau: Khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh thay đổi, bổ sung thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh do thay đổi về địa giới hành chính, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hộ kinh doanh; Bổ sung thông tin khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh mà không làm thay đổi nội dung của giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp."



6. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

"c) Nộp phí qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm nhận được tiền phí, cơ quan, tổ chức nhận tiền phải chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước".

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Tạ Văn Long**